

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án Thủy điện Đồng Mít của Công ty Cổ phần Đầu tư và
Xây dựng Thủy điện Đồng Mít**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Thủy điện Đồng Mít của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy điện Đồng Mít tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 26/11/2020;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Thủy điện Đồng Mít đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 162/CV-TĐĐM ngày 25/01/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy điện Đồng Mít;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 113/TTr-STNMT ngày 24/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Thủy điện Đồng Mít (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy điện Đồng Mít (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã An Trung, huyện An Lão, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại UBND xã An Trung, UBND xã An Dũng theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND huyện An Lão;
- UBND xã An Trung, An Dũng;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐỒNG MÍT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY ĐIỆN ĐỒNG MÍT
(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày _____ / 2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Thủy điện Đồng Mít.

1.2. Địa điểm thực hiện: xã An Trung, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy điện Đồng Mít.

1.4. Địa chỉ liên hệ: Lô 21 - 24 đường Đỗ Nhuận, Khu đô thị An Phú Thịnh, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 0945333999 (ông Trần Ngọc Hùng – Giám đốc Công ty).

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 0,8ha (thuộc phần diện tích công trình Hồ chứa nước Đồng Mít, nằm phía vai phải sau đập).

- Công suất thiết kế: 7MW.

1.6. Các hạng mục, công trình chính: nhà máy thủy điện; đường ống áp lực (dẫn nước từ nhánh rẽ đường ống thủy lợi về nhà máy thủy điện); kênh xả hạ lưu nhà máy; trạm phân phối 35kV và đường dây đầu nối.

1.7. Các hạng mục, công trình phụ trợ (sử dụng chung với công trình hồ chứa nước Đồng Mít của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 6): tuyến đường quản lý kết hợp thi công; hệ thống cấp điện, cấp nước; một phần mặt bằng thi công khu đầu mối để bố trí công trình phụ trợ, trạm trộn bê tông, nhà điều hành, bãi tập kết vật liệu, bãi thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Tác động liên quan đến chất thải: bụi phát sinh từ hoạt động xây dựng; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; nước mưa chảy tràn; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.

- Tác động không liên quan đến chất thải: làm thay đổi lưu lượng dòng chảy sông An Lão đoạn phía sau đập đến cửa xả nhà máy (hình thành 02 chế độ dòng chảy khác biệt sau thượng lưu đập chính của Hồ và kênh xả hạ lưu sau nhà máy), có nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn nước tưới cho nông nghiệp phía hạ du.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh trong giai đoạn xây dựng.

- Nước rò rỉ từ nhà máy có nhiễm dầu, phát sinh trong giai đoạn vận hành nhà máy khoảng 5 m³/lần vệ sinh máy móc, thiết bị (tần suất 02 lần/năm).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi phát sinh trong giai đoạn xây dựng, bao gồm: hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất thải; san gạt, đào đắp và hoạt động của các thiết bị thi công, trạm trộn bê tông...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt

- Đất thải phát sinh từ quá trình đào đắp, thi công các hạng mục của dự án khoảng 42.490 m³; chất thải rắn xây dựng (gạch vỡ, sắt thép vụn, bao bì vật liệu thải...) khoảng 100 kg/tháng.

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại chủ yếu là bình ắc quy chì hỏng, bóng đèn huỳnh quang hỏng, dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu,... ước tính khoảng 1.140 kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn, nước thải

- Tạo mương thoát nước mưa xung quanh khu vực thi công (có hố gas lắng cặn lơ lửng trên mương) và mương thoát xung quanh nhà máy để thu gom nước mưa dẫn ra sông An Lão.

- Nước rửa máy móc thiết bị và nước rò rỉ từ nhà máy (có nhiễm dầu) được thu gom về bể chứa (dung tích 12 m³), phần nước nhiễm dầu được bơm dẫn qua bể thu dầu (dung tích 9 m³), tại đây dầu sẽ được bơm ly tâm về thiết bị chứa dầu (dung tích 4,94 m³) và xử lý bằng máy tách dầu (công suất 2,5 m³/giờ). Nước sau khi được tách dầu được đưa về bể chứa (dung tích 21 m³) trước khi thoát ra sông An Lão.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

Phun nước trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu, đất thải; tưới ẩm bề mặt các bãi tập kết nguyên liệu và trạm trộn bê tông tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển; che chắn khu vực bãi tập kết vật liệu...

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt

- Sử dụng 03 bãi thải của công trình Hồ Đồng Mít để lưu chứa đất thải và chất thải rắn xây dựng phát sinh:

+ Bãi thải số 1 (bãi thải suối K.Dâu, cách dự án khoảng 800m về phía Tây Bắc): hiện trạng là thung lũng sâu khoảng 10m, diện tích khoảng 19.793 m²; được gia cố, kè chắn bằng rọ đá có kích thước: dài 140m x rộng 0,5m x cao 1m.

+ Bãi thải số 2 (bãi thải thôn 4, xã An Dũng): hiện trạng là hố bom sâu khoảng 8m, diện tích khoảng 34.000 m²; được gia cố, kè chắn bằng rọ đá có kích thước: dài 170m x rộng 0,5m x cao 1m.

+ Bãi thải số 3 (cách khu đầu mối khoảng 1km về phía thượng lưu): hiện trạng là hố bom sâu khoảng 8m, diện tích khoảng 54.00 m²; được gia cố, kè chắn bằng rọ đá có kích thước: dài 270m x rộng 0,5m x cao 1m.

Sau khi kết thúc đổ thải, Chủ dự án phối hợp với Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 6 thực hiện san gạt, trồng cây đảm bảo an toàn cho bãi thải, chống xói lở, tạo cảnh quan tự nhiên.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa đặt tại khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích khoảng 5 m², xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy được dán nhãn theo quy định đặt tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 10 m² (phía Tây Nam dự án, có nền chống thấm và có mái che); hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Biện pháp phòng ngừa sự cố vỡ đường ống áp lực: thi công đường ống áp lực theo đúng thiết kế kỹ thuật đã được thẩm định; gia cố nền đặt ống đảm bảo tránh gây hiện tượng sụt lún.

- Phòng ngừa sự cố sạt lở: kè chắn các bãi thải đảm bảo; bê tông hoá kênh xả sau nhà máy; gia cố bằng đá xây và bê tông các mái dốc bao quanh nhà máy.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: xây dựng nhà máy thủy điện đảm bảo theo phương án thiết kế cơ sở được phê duyệt; trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp vận hành.

- Biện pháp an toàn điện, phòng chống cháy nổ: xây dựng trạm phân phối cách biệt với nhà máy; trồng cây xanh xung quanh tường rào của nhà máy; ban hành nội quy, đào tạo, huấn luyện người lao động về an toàn điện, phòng cháy chữa cháy và quy trình ứng phó khi sự cố xảy ra.

- Biện pháp giảm thiểu, ứng phó tác động do thay đổi chế độ dòng chảy

+ Xây dựng quy trình vận hành Nhà máy thủy điện phù hợp theo quy trình vận hành Hồ chứa nước Đồng Mít được cơ quan thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo an toàn và không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ thủy lợi.

+ Phối hợp Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 6 và địa phương giám sát dòng chảy và xói lở bờ sông phía hạ lưu để có biện pháp ứng phó khi xảy ra xói lở sau kênh xả nhà máy.

+ Chịu trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ trong trường hợp xói lở bờ sông do hoạt động của nhà máy gây thiệt hại về cơ sở vật chất, hoa màu,... phía hạ lưu.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa.
- Hệ thống thu gom và xử lý nước nhiễm dầu, công suất 5 m³/giờ.
- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích khoảng 10 m².
- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích khoảng 5 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn xây dựng

- Giám sát không khí xung quanh: thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu qua khu dân cư thôn 6, xã An Trung; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.2. Giai đoạn vận hành

a) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm tiếp nhận nước thải nhiễm dầu sau xử lý (tọa độ: 1621090; 563543).

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, dầu mỡ khoáng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số K_q = 0,9; K_f = 1,2).

b) Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại: giám sát lượng và loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình thu gom và việc lưu giữ; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát, đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu 0,85 m³/s (theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 5H5/GP-BTNMT ngày 22/02/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 6); giám sát sự cố sạt lở khu vực bờ sông phía hạ lưu cửa xả trong quá trình vận hành nhà máy.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Dự án chỉ được phép hoạt động khi đã hoàn thành phương án phân tách khối lượng và kinh phí đầu tư giữa công trình thủy lợi và thủy điện, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét quyết định (theo yêu cầu của Cục Quản lý Xây dựng công trình tại Báo cáo số 1443/BC-XD-TC ngày 05/10/2020).

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (kèm theo biên bản chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; chứng từ chất thải nguy hại).